

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ -ST

Ngày: 06-9-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Nguyễn Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị A, sinh năm 1988; địa chỉ: Hẻm số 83, đường 1, tổ 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Đỗ Th, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 58, đường Phạm Văn Đồng, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chị A có mặt; anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10-5-2022 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Đỗ Thị A trình bày: Chị A và anh Đỗ Th tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 23 tháng 01 năm 2018. Thời gian đầu của hôn nhân, chị A và anh Th chung sống với nhau tương đối hạnh phúc và có 01 con chung. Nhưng đến đầu năm 2020, chị A và anh Th bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vì cách sống không hợp nhau. Cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung. Từ tháng 12 năm 2021 đến nay, chị A và anh Th không còn chung sống với nữa; vợ chồng hoàn toàn độc lập về kinh tế, không quan tâm

hoặc hỏi han gì nhau, hôn nhân trở nên trầm trọng và không thể kéo dài. Vì vậy, chị A xin được ly hôn anh Th.

Chị A và anh Th có 01 con chung là: Đỗ Tuấn K, sinh ngày 09-10-2018. Ly hôn, chị A xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con.

Chị A và anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh Đỗ Th, nhưng anh Th không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin được ly hôn anh Th; và xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Chị Đỗ Thị A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Đỗ Th; yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên quan hệ pháp luật có tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P. Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng và việc thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị A được ly hôn anh Đỗ Th. Giao cho chị A được trực tiếp nuôi con. Chị A không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con; không có tài sản chung, nợ chung nên không xét đến. Buộc chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là anh Đỗ Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa. Căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Đỗ Thị A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Đỗ Th; yêu cầu giải quyết nuôi con nên quan hệ pháp luật có tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn hiện nay có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chị Đỗ Thị A, sinh năm 1988 và anh Đỗ Th, sinh năm 1988, hai người đã tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 23 tháng 01 năm 2018. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị A và anh Th đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của chị A và anh Th là hợp pháp.

[5] Thời gian đầu của hôn nhân, chị A và anh Th chung sống với nhau tương đối hạnh phúc và có 01 con chung. Nhưng đến đầu năm 2020, chị A và anh Th bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vì cách sống không hợp nhau và không có tiếng nói chung. Từ tháng 12 năm 2021 đến nay, chị A và anh Th không còn chung sống với nữa, không quan tâm hoặc hỏi han gì nhau, đã thực sự bỏ mặc nhau.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đỗ Th, nhưng anh Th không đến Tòa án để trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị A, mà đã cố tình trốn tránh, từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[7] Kết quả xác minh của Tòa án ngày 25-5-2022 tại địa phương nơi chị A và anh Th cư trú là tổ 2, phường H, thành phố P, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Anh Đỗ Th sinh năm 1988 hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú, cư trú, sinh sống và thường xuyên có mặt tại số nhà 58 Phạm Văn Đồng, tổ 2, phường H, thành phố P. Anh Đỗ Th và chị Đỗ Thị A có mối quan hệ là vợ chồng cùng chung sống tại địa chỉ trên khoảng 01 năm trở lại đây. Tình trạng hôn nhân của anh Th và chị A đã trở nên trầm trọng, thường xuyên cãi vã gây mất trật tự địa phương. Chị A đã đưa con Đỗ Tuấn K là con chung của chị A và anh Th đi khỏi địa phương. Hiện nay anh Đỗ Th đang chung sống với mẹ đẻ của anh Th là bà Ngô Thị Th tại địa chỉ nêu trên.

Tòa án đã 02 thông báo cho anh Th đến tham gia phiên họp và hòa giải, nhưng anh Th không đến tham gia.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [5] đến [7] nêu trên đã đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân của chị A và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A là có cơ sở và được Tòa án chấp nhận.

[8] Chị A và anh Th có 01 con chung là: Đỗ Tuấn K, sinh ngày 09-10-2018. Từ trước đến nay con ở với chị A. Vì vậy, việc giao con cho chị A được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sẽ tốt hơn và phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Chị A không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con; chị A và anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xét đến.

[10] Buộc chị Đỗ Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Áp dụng các Điều: 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị A.

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị A được ly hôn anh Đỗ Th.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là: Đỗ Tuấn K, sinh ngày 09-10-2018 đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị A không yêu cầu anh Bình cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đỗ Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0001741 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

4. Người có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là 06 tháng 9 năm 2022. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án này được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- UBND phường H, TP.P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thương